

Số: 126 /BC-TCKH

Bến Cầu, ngày 12 tháng 4 năm 2021

## BÁO CÁO

### Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý 1/2021

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bến Cầu Khóa XI, kỳ họp thứ mười hai về dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách huyện, xã, thị trấn năm 2021.

Phòng Tài chính Kế hoạch báo cáo nội dung công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý 1 năm 2021 chi tiết như mẫu đính kèm.

(Kèm theo các biểu mẫu từ số 93 đến 95/CKTC-NSNN)

Trên đây là báo cáo Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý 1/2021, Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Bến Cầu báo cáo cấp trên góp ý chỉ đạo./.pk

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- UBND huyện (Công thông tin);
- BLĐ phòng;
- Lưu: VT, Tổ NS.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Ngọc Quỳnh Thư



**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 1 NĂM 2021**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	THỰC HIỆN QUÝ 1/2021	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>326 600</b>	<b>83 896</b>	<b>25,69%</b>	<b>118,87%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>326 600</b>	<b>83 896</b>	<b>25,69%</b>	<b>118,87%</b>
1	Thu nội địa	99 200	18 346	18,49%	89,17%
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	212 640	65 550	30,83%	131,10%
3	Thu chuyển nguồn (CCTL huyện)	14 760			
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>326 600</b>	<b>60 172</b>	<b>18,42%</b>	<b>103,60%</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>315 600</b>	<b>59 804</b>	<b>18,95%</b>	<b>102,97%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	45 160	5 631	12,47%	90,33%
2	Chi thường xuyên	264 470	53 611	20,27%	104,87%
3	Dự phòng ngân sách	5 970	562	9,41%	77,52%
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn tỉnh hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ</b>	<b>8 760</b>	<b>368</b>		
<b>III</b>	<b>Chi sự nghiệp xã hội từ nguồn CCTL huyện</b>	<b>2 240</b>			

Bến Cầu, ngày 11 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ PHÒNG



Nguyễn Ngọc Quỳnh Thư



**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2021**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ 1	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>311 840</b>	<b>83 896</b>	<b>26,90%</b>	<b>118,87%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>99 200</b>	<b>18 346</b>	<b>18,49%</b>	<b>89,17%</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	23 600	4 845	20,53%	71,15%
4	Thuế thu nhập cá nhân	17 500	4 886	27,92%	118,71%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	9 000	1 434	15,93%	64,22%
7	Thu phí và lệ phí	2 000	743	37,15%	97,38%
8	Các khoản thu về nhà, đất	38 000	3 309	8,71%	68,84%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		13		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	51	51,00%	242,86%
-	Thu tiền sử dụng đất	18 200	2 583	14,19%	59,04%
-	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	500	662	132,40%	204%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	19 200			
9	Thu khác ngân sách	9 000	3 129	34,77%	179,00%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	100		0,00%	0,00%
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>211 404</b>	<b>65 550</b>	<b>31,01%</b>	<b>131,10%</b>
	Thu bổ sung cân đối	197 854	52 000	26,28%	104,00%
	Thu bổ sung có mục tiêu	13 550	13 550	100,00%	
<b>III</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>1 236</b>			
1	Từ các khoản thu phân chia	1 236			
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%				

Bến Cầu, ngày 11 tháng 4 năm 2021

**TRƯỞNG PHÒNG**  
**PHÓ PHÒNG**



Nguyễn Ngọc Quỳnh Thư



**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 1 NĂM 2021**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ 1	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>326.600</b>	<b>60.172</b>	<b>18,42%</b>	<b>88,05%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>315.600</b>	<b>59.804</b>	<b>18,95%</b>	<b>102,97%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>45.160</b>	<b>5.631</b>	<b>12,47%</b>	<b>90,33%</b>
1	- Chi đầu tư cho các dự án	25.960	5.631	21,69%	90,33%
1	- Chi từ nguồn thu ND 167/2017/ND-CP	19.200			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>264.470</b>	<b>53.611</b>	<b>20,27%</b>	<b>104,87%</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	124.330	27.339	21,99%	100,90%
2	Chi khoa học công nghệ	160			
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.500			
4	Chi sự nghiệp Văn hoá- Thể thao- Truyền thanh	4.172	836	20,04%	90,18%
5	Chi bảo vệ môi trường	3.330	16	0,48%	106,67%
6	Chi sự nghiệp kinh tế	24.237	2.804	11,57%	46,31%
7	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	64.172	12.393	19,31%	100,00%
8	Chi đảm bảo xã hội	12.000	5.417	45,14%	100,00%
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>5.970</b>	<b>562</b>	<b>9,41%</b>	<b>77,52%</b>
<b>B</b>	<b>Chi từ nguồn tỉnh hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ</b>	<b>8 760</b>	<b>368</b>	<b>4,20%</b>	<b>3,87%</b>
<b>C</b>	<b>Chi sự nghiệp xã hội từ nguồn CCTL huyện</b>	<b>2 240</b>			

Bến Cầu, ngày 11 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ PHÒNG



Nguyễn Ngọc Quỳnh Thư